

UBND HUYỆN MỸ LỘC  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 778/QĐ-PGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mỹ Lộc, ngày 10 tháng 11 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023 cho các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ năm 2023 huyện Mỹ Lộc

### TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-Cp ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Thông tư 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-Cp ngày 14/5/2023 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Văn bản số 2111/STC-NS ngày 25/10/2023 của Sở Tài chính về nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND huyện Mỹ Lộc về giao ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Lộc;*

*Căn cứ Quyết định số 5499/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện Mỹ Lộc Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 cho đơn vị sử dụng ngân sách Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Lộc;*

*Căn cứ Quyết định số 4505/QĐ-UBND ngày 9/11/2023 của UBND huyện Mỹ Lộc về việc bổ sung dự toán cho các cơ quan, ban, ngành đoàn thể của huyện để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ năm 2023 huyện Mỹ Lộc;*



**PHỤ LỤC**

**PHÍ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS  
DO ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Quyết định số: 778/QĐ-PGDĐT ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Lộc)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện CCTL	40% học phí, nguồn còn dư tại đơn vị thực hiện cải cách tiền lương		Kinh phí bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	Nguồn CCTL còn lại chuyển năm sau
			Tổng số	Sử dụng năm 2023		
1	2	3	4	5	6=3-5	7=4-5
	<b>Tổng số</b>	<b>9.825.000.000</b>	<b>9.302.054.000</b>	<b>6.223.830.000</b>	<b>3.601.170.000</b>	<b>3.078.224.000</b>
<b>I</b>	<b>Khối mầm non</b>	<b>2.707.822.000</b>	<b>4.517.967.000</b>	<b>2.707.822.000</b>	<b>0</b>	<b>1.810.145.000</b>
1	Trường MN Mỹ Tân	312.745.000	615.592.000	312.745.000	0	302.847.000
2	Trường MN Mỹ Trung	207.891.000	336.786.000	207.891.000	0	128.895.000
3	Trường MN Mỹ Phúc	272.005.000	375.064.000	272.005.000	0	103.059.000
4	Trường MN Mỹ Hà	300.239.000	493.726.000	300.239.000	0	193.487.000
5	Trường MN Mỹ Tiến	195.143.000	341.844.000	195.143.000	0	146.701.000
6	Trường MN Mỹ Thắng	263.506.000	485.494.000	263.506.000	0	221.988.000
7	Trường MN Mỹ Hưng	305.291.000	538.578.000	305.291.000	0	233.287.000
8	Trường MN Mỹ Thành	205.515.000	316.390.000	205.515.000	0	110.875.000
9	Trường MN Mỹ Thịnh	187.755.000	308.992.000	187.759.000	0	121.233.000
10	Trường MN Mỹ Thuận	280.153.000	419.609.000	280.153.000	0	139.456.000
11	Trường MN Hòa Mĩ	177.575.000	285.892.000	177.575.000	0	108.317.000
<b>II</b>	<b>Khối tiểu học</b>	<b>3.592.840.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.592.840.000</b>	<b>0</b>
1	Trường TH Mỹ Tân	456.401.000			456.401.000	
2	Trường TH Mỹ Trung	307.090.000			307.090.000	
3	Trường TH Mỹ Phúc	451.457.000			451.457.000	
4	Trường TH Mỹ Hà	349.980.000			349.980.000	
5	Trường TH Mỹ Tiến	220.684.000			220.684.000	
6	Trường TH Mỹ Thắng	342.614.000			342.614.000	
7	Trường TH Mỹ Hưng	466.478.000			466.478.000	

STT	Đơn vị	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện CCTL	40% học phí, nguồn còn dư tại đơn vị thực hiện cải cách tiền lương		Kinh phí bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	Nguồn CCTL còn lại chuyển năm sau
			Tổng số	Sử dụng năm 2023		
1	2	3	4	5	6=3-5	7=4-5
8	Trường TH Mỹ Thành	196.934.000			196.934.000	
9	Trường TH Mỹ Thịnh	245.216.000			245.216.000	
10	Trường TH Mỹ Thuận	338.673.000			338.673.000	
11	Trường TH Trần Quang Khải	217.313.000			217.313.000	
<b>III</b>	<b>Khối Trung học cơ sở</b>	<b>3.524.338.000</b>	<b>4.784.087.000</b>	<b>3.516.008.000</b>	<b>8.330.000</b>	<b>1.268.079.000</b>
1	Trường THCS Mỹ Tân	396.589.000	683.053.000	396.589.000	0	286.464.000
2	Trường THCS Mỹ Trung	292.650.000	284.320.000	284.320.000	8.330.000	0
3	Trường THCS Mỹ Phúc	389.636.000	495.599.000	389.636.000	0	105.963.000
4	Trường THCS Mỹ Hà	273.183.000	450.863.000	273.183.000	0	177.680.000
5	Trường THCS Mỹ Tiến	274.000.000	303.616.000	274.000.000	0	29.616.000
6	Trường THCS Mỹ Thắng	342.281.000	481.310.000	342.281.000	0	139.029.000
7	Trường THCS Mỹ Hưng	688.704.000	1.072.310.000	688.704.000	0	383.606.000
8	Trường THCS Mỹ Thành	273.298.000	303.836.000	273.298.000	0	30.538.000
9	Trường THCS Mỹ Thịnh	268.730.000	337.398.000	268.730.000	0	68.668.000
10	Trường THCS Mỹ Thuận	325.267.000	371.782.000	325.267.000	0	46.515.000

Ghi chú: 40% học phí còn dư tại các trường thực hiện cải cách tiền lương được xác định đến hết năm học 2022-2023 (Đến Tháng 05 năm 2023)